

Bản án số: **529/2021/HS-ST**
Ngày: 13-12-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan.

2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 385/2021/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384a/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 993a/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 1014a/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 1078/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 1224/2021/HSST-QĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Quan L (tên gọi khác M) sinh năm: 1989, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 121, khu phố 2, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: 121, khu phố 2, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1962 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1964; Có vợ: Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1992; có 01 người con, sinh năm 2011;

Tiền án: Bản án số 533/2012/HSST ngày 06/9/2012, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt bị cáo L 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 576/HSST ngày 16/12/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo L 06 (sáu) năm tù giam về tội “Hiếp dâm trẻ em” (đã xóa án tích).

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 228/QĐ-XPHC ngày 15/4/2016 của Công an thành phố Biên Hoà, xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ dao nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác.

- Tại Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số 6074/QĐ.UBND ngày 14/10/2013 của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hoà.

- Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 624/QĐ-TA ngày 12/10/2016 của Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Ngày 09/9/2017 được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

- Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 59/QĐ-TA ngày 11/3/2019 của Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ngày 29/4/2020 được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 38 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo có mặt).

2. **Nguyễn Văn H1**, sinh năm: 2002 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 158/48/67A, khu phố 3, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay không nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 và bà Hồ Thị Bé D, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 39 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. **Châu Minh T** sinh năm: 2000, tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 18, phường S, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng; Nơi tạm trú: 224/18, khu phố 5, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn G, sinh năm 1963 và bà Châu Thị Mỹ D, sinh năm 1963; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 68/2019/HS-ST ngày 29/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo T 16 (mười sáu) tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo T chấp hành xong hình phạt 12/5/2020. (đã xóa án tích).

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 40 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. **Ngô Võ Thanh H2** (tên gọi khác không) sinh năm: 1995, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 15/179, khu phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú 15/179, khu phố 2, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn Q, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Minh H, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án:

- Tại Bản án số 49/2015/HS-ST ngày 04/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (Chưa xoá án tích)

- Tại Bản án số 392/2016/HSST ngày 28/6/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản (Chưa xoá án tích).

- Tại Bản án số 369/2017/HSST ngày 08/9/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa xoá án tích).

- Tại Bản án 369/2018/HS-ST ngày 18/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa xoá án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 26/12/2011, bị Công an phường Hoà Bình xử lý hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

- Ngày 04/01/2012, bị UBND phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, xã về hành vi gây rối trật tự công cộng.

- Tại Bản án số 269/2013/HSST ngày 20/5/2013, Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Hiền 06 tháng tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” (Đã xoá án tích).

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 42 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. **Lê Hữu H3** sinh năm: 1999, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: A4/316, khu phố 4, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: A4/316, khu phố 4, phường V, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm 1966 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1971. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án:

- Tại Bản án số 197/2018/HS-ST ngày 20/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “Cướp giật tài sản” (Chưa xoá án tích).

- Tại Bản án số 502/2019/HS-ST ngày 29/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chưa xoá án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Quyết định số 02/QĐ-XPVPHC ngày 25/01/2016, bị Công an phường Tân Vạn xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Quyết định số 128/QĐ-XPHC ngày 14/11/2017, bị UBND phường Tân Vạn xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 43 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. **Nguyễn Lê Trung H4** sinh năm: 2001, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: tổ 20A, khu phố H, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: tổ 20A, khu phố Cầu Hang, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Phi H, sinh năm 1976 và bà Lê Thị H, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 153/2020/HSST ngày 10/4/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” (Đã xóa án tích).

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 44 ngày 24/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo có mặt).

7. **Cao Bá T2** sinh năm 2001, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 5/4, khu phố Đồng Nai, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: 5/4, khu phố Đồng Nai, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Bá T, sinh năm 1974 và bà Bay Thị H, sinh năm 1975 ; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án:

- Tại Bản án số 153/2020/HSST ngày 10/4/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 (mười) tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” (Chưa xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14/7/2015, bị Công an xã Hoá An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án số 516/2016/HSST ngày 31/8/2016, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù giam về tội “Cướp tài sản” (Đã xóa án tích).

- Ngày 10/01/2019, bị Công an xã Hóa An, thành phố Biên Hòa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản tại Quyết định số 297/QĐ-XL VPHC.

- Tại Bản án số 507/2019/HSST ngày 31/10/2019, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (bảy) tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản (Đã xóa án tích).

Bị bắt, tạm giữ ngày 15/12/2020, chuyển tạm giam theo lệnh số 41 ngày 24/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo có mặt).

8. **Trần Anh D** sinh năm: 1995, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: tổ 16, khu phố An Hòa, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Hồng S, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 64/2015/HSST ngày 12/02/2015, bị Toà án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Đã xóa án tích).

Bị bắt tạm giam ngày 27/5/2021 theo lệnh bắt tạm giam số 715 ngày 25/05/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại:

+ Anh Võ Hải S, sinh năm 1996.

Địa chỉ: K4/18B, khu phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Chị Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Căn nhà không số tổ 2, khu phố 1, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Chị Trần Hoàng Y, sinh năm 1979.

Địa chỉ: K1/221E, khu phố Tân Bình, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Chị Phan Thị Á, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 8A, khu phố 9, phường P, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Sỹ L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 15/6C, tổ 20C, khu phố 3, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 155, khu phố 4, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Anh Lê Hồng T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 1/1, tổ 19B, khu phố An Hoà, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

+ Anh Dương Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Nhơn Lộc, Nhơn Mỹ, M, An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Lê Trung H4 và Trần Anh D là những người không có

nghề nghiệp và thường tụ tập ở các tiệm game bắn cá. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 06/12/2020 đến ngày 12/12/2020, L, T, H1, T2, H3, H2, Trung H4 và D đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 03 giờ ngày 06/12/2020, Trần Anh D điều khiển xe mô tô không rõ biển số chở bạn gái là La Kim H, ngụ tại 167/7, ấp Bình Ý, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đi trên đường Bùi Hữu Nghĩa thuộc khu phố 4, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện anh Võ Hải S, ngụ tại K4/18B, khu phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai đang say rượu nằm ngủ đầu đường 533 thuộc khu phố 4, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa và xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 60F2-293.61 của anh Sơn đang dựng gần đó nên D và H dừng xe lại và đến kiểm tra. D gọi nhưng thấy anh S vẫn ngủ say nên D thò tay vào túi quần anh S lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax rồi bỏ vào túi quần.

Lúc này, Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4 và Huỳnh Quan L cùng nhau đi trộm cắp tài sản cũng vừa đi đến chỗ anh S nằm, nên D và H lên xe bỏ đi, còn T2, H4 và L thấy trên xe mô tô hiệu AirBlade biển số 60F2-293.61 của anh S đang cắm sẵn chìa khóa nên đã lấy trộm và khởi động máy chở nhau bỏ đi. Sau đó, T2, H4 và L mang xe mô tô trên đến tiệm game bắn cá tại phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa và cầm cho anh Dương Thanh T, ngụ tại xã Nhơn Mỹ, huyện M, tỉnh An Giang được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) rồi cùng nhau chơi game bắn cá hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax Trần Anh D khai sau khi trộm cắp đã đưa cho Huỳnh Quan L đem đi bán nhưng L không thừa nhận nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- 01 xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 60F2-293.61 sau khi biết các đối tượng trộm cắp đã cầm cho anh Dương Thanh T thì anh Võ Hải S đã đến tìm anh T và chuộc lại xe.

Tại bản kết luận định giá số 367/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax trị giá 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng), 01 xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 60F2-293.61 trị giá 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự: anh Võ Hải S yêu cầu bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là tiền anh S đã chuộc xe và 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) là trị giá chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax. Hiện D, T, Trung H và L chưa bồi thường.

Vụ thứ 2: Khoảng 13 giờ ngày 10/12/2020, Huỳnh Quan L, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Lê Hữu H3 cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi bộ ngang qua căn nhà không số tại tổ 2, khu phố 1, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa của bà Lê Thị Ngọc D làm chủ thì cả nhóm phát hiện cửa khóa và không có ai trông coi nên Hiền đứng ngoài đường canh giới còn L, H1 nhét 01 thanh sắt ở sân nhà bà D để phá khóa cửa. Sau đó, L, H1 và H3 đột nhập vào trong nhà lấy trộm 01 ti vi 43 inch hiệu SONY rồi H1 và H3 đem đến tiệm điện tử “Ánh Sơn” thuộc khu phố 2, phường Bửu Long bán cho anh Trương Sỹ L được 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Số tiền này L, H1, H3, H2 chia nhau mỗi người 100.000đ (Một trăm nghìn

đồng), còn lại 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) các đối tượng cùng nhau ăn uống hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 thanh sắt sau khi sử dụng các đối tượng đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

- 01 ti vi 43 inch hiệu SONY Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Dung.

Tại bản kết luận định giá số 568/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 ti vi 43 inch hiệu SONY trị giá 6.640.000đ (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)”.

Về dân sự: bà Lê Thị Ngọc D và anh Trương Sỹ L không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ 3: Khoảng 02 giờ ngày 11/12/2020, Nguyễn Văn H1 rủ Châu Minh T cùng nhau đi đến khu vực khu phố 2, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa để trộm cắp tài sản. Khi đi qua dãy nhà trọ “Danh Lan” ở số K1/221E, khu phố 2, phường Bửu Hòa thì cả hai phát hiện cửa cổng không khóa và có 01 xe mô tô kiểu Wave, biển số 60V8-0390 của bà Trần Hoàng Y, ngụ tại K1/221E, khu phố B, phường H đang dựng ở hành lang dãy phòng trọ, trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên T đứng canh giới cho H1 đi vào lấy trộm xe mô tô trên. Sau đó, H1 đưa xe mô tô trên cho đối tượng tên Đen (chưa rõ họ, địa chỉ) đi bán được 1.000.000đ (Một triệu đồng) và tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô kiểu Wave, biển số 60V8-0390 sau khi trộm cắp thì Nguyễn Văn H đưa cho đối tượng tên Đen (chưa rõ họ, địa chỉ) đem đi bán. Đến ngày 13/12/2020 Công an phường Bửu Hòa đã thu giữ được xe mô tô trên tại đường nội bộ thuộc tổ 89, khu phố 5, phường Bửu Hòa do các đối tượng không rõ lai lịch bỏ lại. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại xe mô tô trên cho bà Trần Hoàng Yến.

Tại bản kết luận định giá số 574/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 xe mô tô kiểu Wave, biển số 60V8-0390 trị giá 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).”

Về dân sự: bà Trần Hoàng Y không yêu cầu bồi thường

Vụ thứ 4: Khoảng 04 giờ ngày 12/12/2020, Nguyễn Văn H1 rủ Châu Minh T cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi đến cơ sở mầm non “Nắng Mai” tại K2/77B, khu phố 1, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa của bà Phan Thị A, ngụ tại 8A, khu phố 9, phường P, thành phố H làm chủ thì T nhặt 01 thanh sắt ven đường để cạy cửa dãy phòng học rồi T và H1 đột nhập vào trong lấy trộm 01 ti vi hiệu TCL 32 inch, 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính xách tay Dell, 01 Ipad Mini. Sau đó, T và H đem gửi tại nhà của Nguyễn Lê Trung H tại tổ 20A, khu phố Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì T quay lại nhà H lấy tivi TCL 32 inch đi bán cho anh Nguyễn Thành P, ngụ tại số 155, khu phố 4, phường H, thành phố H được 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), còn 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính xách tay Dell, 01 Ipad Mini thì T bán cho anh Lê Hồng T, ngụ tại 1/1 tổ 19B, khu phố H, phường An, thành phố Biên Hòa được 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Số tiền bán tài sản các đối tượng đã chia nhau tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 thanh sắt sau khi sử dụng các đối tượng đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

- 01 ti vi hiệu TCL 32 inch, 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính xách tay Dell, 01 Ipad Mini do anh Lê Hồng T và anh Nguyễn Thành P giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho bà Phan Thị A.

Tại bản kết luận định giá số 576/KL-HĐĐGTS ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 ti vi hiệu TCL 32 inch, 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính xách tay Dell, 01 Ipad Mini có tổng trị giá là 7.583.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng)”.

Về dân sự: bà Phan Thị A, anh Nguyễn Thành P và anh Lê Hồng T không yêu cầu bồi thường.

Qua điều tra, xác minh thì ngày 15/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã bắt, tạm giữ Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Lê Trung H2 để điều tra, xử lý. Đến ngày 27/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã bắt tạm giam đối với Trần Anh D để điều tra, xử lý.

Đối với anh Dương Thanh T đã nhận cầm chiếc xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60F2-293.61 nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với anh Trương Sỹ L đã mua 01 chiếc ti vi 43 inch hiệu Sony nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với anh Nguyễn Thành P đã mua 01 chiếc ti vi hiệu TCL 32 inch nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với anh Lê Hồng T đã mua 02 chiếc máy tính xách tay và 01 chiếc Ipad mini nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với La Kim H đi cùng Trần Anh D và chứng kiến việc D lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của anh Võ Hải S nhưng không bàn bạc và không tham gia nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với đối tượng tên Đen đã đem bán chiếc xe mô tô hiệu Wave, biển số 60V8-0390 do chưa rõ họ, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Tại cơ quan điều tra, Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Lê Trung H4 và Trần Anh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 406/CT-VKSBH ngày 28/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Ngô Võ Thanh H2, Lê Hữu H3 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự ; các bị cáo Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Châu Minh T, Nguyễn Văn H1 và Trần Anh D về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự ; bị cáo Nguyễn Lê Trung H4 về các tội “Trộm cắp tài sản”, “Chứa chấp tài sản

do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017” đối với bị cáo Châu Minh T, Nguyễn Lê Trung H4 và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Huỳnh Quan L** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Ngô Võ Thanh H2** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Lê Hữu H3** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Cao Bá T2** từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Châu Minh T** từ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần Anh D** từ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng đến 01 (một) năm 08 (tám) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Trung H4** từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Trung H** từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Quan L, Nguyễn Lê Trung H4, Cao Bá T2 không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Các bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt được Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa xác nhận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Huỳnh Quan L, Nguyễn Lê Trung H4, Cao Bá T2: Trong thời gian tạm giữ tạm giam, các bị cáo đã ăn năn hối cải. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

- Đối với sự vắng mặt của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Văn H1, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Lê Hữu H3, Trần Anh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, được nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa xác nhận; bị hại chị Lê Thị Ngọc D, chị Trần Hoàng Y, chị Phan Thị A không có yêu cầu bồi thường dân sự, đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra. Bị hại anh Võ Xuân S có yêu cầu bồi thường dân sự, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Sỹ L, Nguyễn Thành P, Lê Hồng T, Dương Thanh T không có yêu cầu bồi thường dân sự, đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo Huỳnh Quan L, Nguyễn Lê Trung H4, Cao Bá T2 phù hợp với các lời khai của các bị cáo Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Lê Trung H4, Trần Anh D tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở xác định:

Từ ngày 06/12/2020 đến ngày 12/12/2020, các bị cáo Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Lê Trung H4 và Trần Anh D đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 06/12/2020, khi anh Võ Hải S say rượu bia và nằm ngủ tại đường hẻm số 533 thuộc khu phố 4, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa thì Trần Anh D đã trộm cắp của anh Sơn 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax trị giá 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng), còn bị cáo Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4 và Huỳnh Quan L đã trộm cắp của anh S 01 xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 60F2-293.61 trị giá 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 13 giờ ngày 10/12/2020, các bị cáo Huỳnh Quan L, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Lê Hữu H3 đã trộm cắp 01 tivi 43 inch hiệu SONY trị giá 6.640.000đ (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) của chị Lê Thị Ngọc D tại nhà chị D ở tổ 2, khu phố 1, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa.

Khoảng 02 giờ ngày 11/12/2020, các bị cáo Châu Minh T và Nguyễn Văn H1 đã trộm cắp của chị Trần Hoàng Y 01 xe mô tô kiểu Wave, biển số 60V8-0390 trị giá 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) tại dãy nhà trọ “Danh Lan” ở số K1/221E, khu phố 2, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa.

Khoảng 04 giờ ngày 12/12/2020, các bị cáo Nguyễn Văn H1 và Châu Minh T đã trộm cắp của chị Phan Thị A 01 tivi hiệu TCL 32 inch, 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính xách tay Dell, 01 Ipad Mini có tổng trị giá là 7.583.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) tại cơ sở mầm non “Năng Mai” tại K2/77B, khu phố 1, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa rồi cất giấu tại nhà của Nguyễn Lê Trung H4.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Lê Hữu H3 có 01 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” và 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo H2 có 02 tiền án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo H2, bị cáo H3 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo H2, bị cáo H3 đã phạm vào tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1 và Trần Anh D về tội “trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Lê Trung H4 về tội “Trộm cắp tài sản”, “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Về nhân thân, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật, bị cáo biết hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân các bị cáo đã cố tình vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là quyền được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo Huỳnh Quan L, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Lê Hữu H3, Nguyễn Lê Trung H4, Cao Bá T2, Trần Anh D có nhân thân xấu.

Bị cáo Huỳnh Quan L từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt về tội “Hiếp dâm trẻ em”; xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”; Công an thành phố Biên Hòa xử phạt về hành vi “Tàng trữ dao nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác”. Ngoài ra, từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo Châu Minh T từng bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Ngô Võ Thanh H2 từng bị Công an phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử lý hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, UBND phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường về hành vi gây rối trật tự công cộng, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Ngoài ra, bị cáo Hiền còn có 02 tiền án về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Lê Hữu H3 từng bị Công an phường Tân Vạn xử phạt về hành vi “Trộm cắp tài sản”, UBND phường Tân Vạn xử phạt về hành vi “trộm cắp tài sản”. Ngoài ra, bị cáo Hòa còn có 01 tiền án về tội “cướp giật tài sản” và 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Lê Trung H4 từng bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Cao Bá T2 từng bị Công an xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt về tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Ngoài ra bị cáo Trung còn có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Trần Anh D từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt về tội “Cướp giật tài sản”.

Đáng lẽ sau khi ra tù, các bị cáo phải lấy đó làm bài học để răn dạy bản thân, sống có trách nhiệm hơn với bản thân, gia đình và xã hội, nhưng các bị cáo lại không sử dụng sức lao động của mình để làm ăn chân chính, nuôi sống bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, thể hiện của các bị cáo sống không có ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, cần xử các bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[2.3] Về tính chất đồng phạm:

Vụ án có đồng phạm nhưng không có tổ chức, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc hay phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Huỳnh Quan L tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 47.140.000đ (Bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Văn H1 tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 16.423.000đ (Mười sáu triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Bị cáo Châu Minh T tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.783.000đ (Chín triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Bị cáo Ngô Võ Thanh H2 tham gia 01 vụ trộm cắp tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.640.000đ (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) với vai trò cảnh giới.

Bị cáo Lê Hữu H3 tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.640.000đ (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Lê Trung H4 là người tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và chứa chấp tài sản do bị cáo T, bị cáo Văn H1 trộm cắp mà có.

Bị cáo Cao Bá T2 tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong vụ trộm cắp tài sản ngày 06/12/2020, giữa bị cáo Trần Anh D và các bị cáo Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4, Huỳnh Quan L không có bàn bạc, thỏa thuận trong việc thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo D lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của anh S trị giá 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) trước khi các bị cáo T2, Trung H4, L lấy trộm xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 60F2-293.61 của anh S trị giá 40.500.000đ (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, bị cáo D phạm tội trộm cắp tài sản nhưng không có yếu tố đồng phạm.

Đối với vụ án trộm cắp tài sản ngày 06/12/2020 và ngày 10/12/2020: Các bị cáo sau khi chơi game bắn cá hết tiền, thấy bị cáo L đứng dậy đi về, các bị cáo ngầm hiểu và đi theo bị cáo L thực hiện trộm cắp tài sản, giữa các bị cáo không có sự rủ rờ, khởi sướng, bàn bạc, phân công. Đối với vụ án ngày 11/12/2020 và ngày 12/12/2020 bị cáo Nguyễn Văn H1 là người khởi sướng, rủ rờ bị cáo Châu Minh T đi trộm cắp tài sản.

Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo có xem xét đến vai trò, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với các bị cáo Huỳnh Quan L, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Lê Hữu H3, Nguyễn Lê Trung H4, Cao Bá T2: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1: Bị cáo H1 có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trần Anh D: Bị cáo D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Lê Hữu H3, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Lê Trung H4 và Trần Anh D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Cao Bá T2 (Ngày 10/4/2010, bị cáo Cao Bá T2 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 (mười) tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”), bị cáo Huỳnh Quan L (Ngày 06/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”), các bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên được xác định là “tái phạm” được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Huỳnh Quan L, Châu Minh T, Nguyễn Văn H1 phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[2.7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, bị cáo Trần Anh Duy khai sau khi trộm cắp đã đưa cho bị cáo Huỳnh Quan L đem đi bán nhưng bị cáo L không thừa nhận nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- 01 xe mô tô hiệu AirBlade, biển số 60F2-293.61 sau khi biết Cao Bá Trung, Nguyễn Lê Trung H, Huỳnh Quan L trộm cắp đã cầm cho anh Dương Thanh Tuấn thì anh Võ Hải Sơn đã đến tìm anh Tuấn và chuộc lại xe.

- 01 thanh sắt sau khi sử dụng, Huỳnh Quan L, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Lê Hữu H3 đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

- 01 ti vi 43 inch hiệu SONY Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại chủ sở hữu là chị Lê Thị Ngọc D là đúng quy định pháp luật.

- 01 xe mô tô kiểu Wave, biển số 60V8-0390 sau khi trộm cắp thì bị cáo Nguyễn Văn H đưa cho đối tượng tên Đen (chưa rõ họ, địa chỉ) đem đi bán. Đến ngày 13/12/2020 Công an phường Bửu Hòa đã thu giữ được xe mô tô trên tại đường nội bộ thuộc tổ 89, khu phố 5, phường Bửu Hòa do các đối tượng không rõ lai lịch bỏ lại. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại xe mô tô trên cho chủ sở hữu là chị Trần Hoàng Y là đúng quy định pháp luật.

- 01 thanh sắt sau khi sử dụng, Nguyễn Văn H1, Châu Minh T đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu giữ được.

- 01 ti vi hiệu TCL 32 inch, 01 máy tính xách tay hiệu Acer, 01 máy tính xách tay Dell, 01 Ipad Mini do anh Lê Hồng T và anh Nguyễn Thành P giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho chị Phan Thị A là phù hợp quy định pháp luật.

[2.8] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Võ Hải S yêu cầu bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là tiền anh Sơn đã chuộc xe và 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn

đồng) là trị giá chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax. Hiện các bị cáo D, T2, Trung H4 và L chưa bồi thường.

Tại phiên tòa, các bị cáo L, T2, Trung H4 đồng ý liên đới bồi thường cho anh Sơn số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) là tiền anh S đã chuộc xe, nên cần chấp nhận.

Bị cáo D là người trộm cắp điện thoại trên của anh S. Hiện nay chiếc điện thoại chưa thu hồi được, bị cáo D đã gây thiệt hại về tài sản cho anh S. Vì vậy, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo D phải bồi thường số tiền 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng) là trị giá chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax cho anh Võ Hải S.

- Anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc D, anh Trương Sỹ L, chị Trần Hoàng Y, chị Phan Thị A, anh Nguyễn Thành P và anh Lê Hồng T không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[2.9] Về các vấn đề khác của vụ án:

Đối với anh Dương Thanh T đã nhận cầm chiếc xe mô tô hiệu Air Blade, biển số 60F2-293.61 nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với anh Trương Sỹ L đã mua 01 chiếc ti vi 43 inch hiệu Sony nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với anh Nguyễn Thành P đã mua 01 chiếc ti vi hiệu TCL 32 inch nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với anh Lê Hồng T đã mua 02 chiếc máy tính xách tay và 01 chiếc Ipad mini nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với La Kim H đi cùng bị cáo Trần Anh D và chứng kiến việc bị cáo D lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax của anh Võ Hải S nhưng không bàn bạc và không tham gia nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự.

Đối với đối tượng tên Đen đã đem bán chiếc xe mô tô hiệu Wave, biển số 60V8-0390 do chưa rõ họ, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[2.10] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

+ Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo Trần Anh D phải chịu 1.124.550 (Một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4, Huỳnh Quan L, mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tại phiên toà, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố Bị cáo **Huỳnh Quan L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Quan L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

+ Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Ngô Võ Thanh H2** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

+ Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Lê Hữu H3** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Cao Bá T2** 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Châu Minh T** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Trần Anh D** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2021.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Trung H4** 01

(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Trung H4** 06 (sáu) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt của hai tội là: 02 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Bị cáo Trần Anh D phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Võ Hải Sơn số tiền 22.491.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng).

+ Các bị cáo Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4, Huỳnh Quan L phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Võ Hải S số tiền 4.000.000 đồng. Mỗi bị cáo phải chịu 1/3 số tiền bồi thường. Cụ thể, bị cáo Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4, Huỳnh Quan L, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền được làm tròn là 1.333.000 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

+ Các bị cáo Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Lê Hữu H3, Châu Minh T, Ngô Võ Thanh H2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Lê Trung H4 và Trần Anh D mỗi bị cáo phải nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Trần Anh D phải nộp 1.124.550 (Một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4, Huỳnh Quan L mỗi bị cáo phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo Huỳnh Quan L, Cao Bá T2, Nguyễn Lê Trung H4 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an TP. Biên Hòa;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND các phường Bửu Hòa,
Quang Vinh, Hòa Bình,
Tân Vạn, Hóa An, TP. Biên Hòa;
- UBND phường L Sơn, TP. Bảo L
- Các bị cáo; bị hại; đương sự;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thủy